TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 21 - 02 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng
Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1983
Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn:* Chị Võ Thị D, sinh năm 1986
Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Võ Thị D.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 07/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày:

Anh Nguyễn Thành Đ và chị Võ Thị D kết hôn vào năm 2007, dựa trên điều kiện quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Sau khi kết hôn anh Đ, chị Diệu sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn về tình cảm. Anh Đ, chị D đã ly thân cách nay 06 tháng. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có bàn bạc đoàn tụ. Nay anh Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Con chung Nguyễn Hà T, sinh ngày

23/9/2008; Nguyễn Như Y, sinh ngày 07/4/204, nay anh Đ yêu cầu được nuôi con không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Tài sản chung gồm 02 xe: Xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 71B3-418.44 do anh Đ quản lý, 01 xe SH biển kiểm soát 71B3-187.79 hiện do chị D đang quản lý, phần xe anh Đ không yêu cầu toà án giải quyết. 01 căn nhà cấp 4 cất trên đất thửa 156, 03 thửa đất: Thửa 215 diện tích 1.454,8m^2, thửa 156 diện tích 819,8m^2, thửa 159 diện tích 1.909,4m^2 toả bản đồ số 09 cùng toạ lạc tại ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; 100.000.000 đồng, 04 cây vàng 24k 9999 hiện do chị D quản lý. Nay anh Đ yêu cầu chia đôi và anh nhận giá trị. Nợ chung không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Võ Thị D trình bày:

Thời gian và điều kiện kết hôn như anh Đ trình bày. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống. Nay chị D đồng ý ly hôn. Con chung chị D yêu cầu được nuôi hai con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 71B3-418.44 hiện do anh Đ đang quản lý, 01 xe SH biển kiểm soát 71B3-187.79 hiện do chị D đang quản lý, phần xe chị D không yêu cầu Toà án giải quyết, 01 căn nhà cấp bốn yêu cầu để lại cho con, không yêu cầu chia. Phần đất như anh Đ trình bày yêu cầu chia là 04 phần, chị D một phần, anh Đ một phần, các con mỗi đứa một phần. Phần tiền và vàng như anh Đ trình bày là không có. Phần nợ chung do chị D mượn riêng anh chị em không có giấy tờ nên không cung cấp họ tên và địa chỉ, chị D có thông báo cho anh chị em của chị D biết yêu cầu giải quyết nợ chung.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân huyện Mỏ Cày Bắc đem vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 116/2018/HNGĐ-ST ngày 26/11/2018 đã quyết định như sau:

1. Công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Thành Đ và chị Võ Thị D.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thành Đ được trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Hà T, sinh ngày 23/9/2008, Nguyễn Như Y, sinh ngày 07/4/2014 hiện cháu T và cháu Y sống với anh Đ. Chị Võ Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

Chị Võ Thị D được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị D quản lý sử dụng 01 căn nhà cấp 4, nhà phụ, mái che toạ lạc tại thửa 156, tờ bản đồ số 09, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Các phần đất:

Diện tích 1.454,8m^2 toạ lạc tại thửa 215 tờ bản đồ số 09, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

- Bắc giáp đường giao thông nông thôn và thửa 213 dài 2,83m + 8,43m + 1,41m + 4,18m + 23,13m.

- Đông giáp thửa 131, 155 dài 8,13m + 5,76m + 9,74m + 3,19m + 7,62m + 11,68m + 26,50m.

- Nam giáp rạch dài 9,33m + 4,00m + 1,90m.

- Tây giáp thửa 214 dài 56,57m.

Diện tích 819,8m^2 toạ lạc tại thửa 156 tờ bản đồ số 09, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

- Bắc giáp rạch dài 12,00m + 14,70m + 17,66m + 12,98m.

- Đông giáp thửa 155 dài 23,11m.

- Nam giáp thửa 159 dài 16,04m + 38,18m

- Tây giáp thửa 158 dài 11,68m.

Diện tích 1.909,4m^2 toạ lạc tại thửa 159 tờ bản đồ số 09, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

- Bắc giáp thửa 156 dài 38,18m.

- Đông giáp thửa 165 dài 55,00m.

- Nam giáp thửa 168 dài 36,22m.

- Tây giáp thửa 166, 158 dài 9,97m + 39,14m

Chị Võ Thị D hoàn trả cho anh Nguyễn Thành Đ giá trị nhà là 126.491.005 đồng, giá trị đất là 491.140.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, nợ chung, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/12/2018 bị đơn chị Võ Thị D kháng cáo về con chung: Chị yêu cầu được nuôi hai con chung là Nguyễn Hà T và Nguyễn Như Y và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: yêu cầu chia ½ đối với phần đất.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Thành Đ và chị Võ Thị D kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân được 06 tháng. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn thì chị D cũng đồng ý.

[2] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hà T, sinh ngày 23/9/2008, Nguyễn Như Y, sinh ngày 07/4/2014 anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, qua lấy ý kiến của cháu T, cháu có nguyện vọng được sống với anh Đ, cấp sơ thẩm chấp nhận cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Đối với cháu Y, sau khi vợ chồng anh chị ly thân thì cháu sống chung với anh Đ và cháu T, để đảm bảo sự phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần nên để cháu Y cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận về việc anh Đ không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của chị D về việc yêu cầu được nuôi hai con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ và chị D thống nhất tài sản chung gồm: 01 xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm kiểm soát 71B3-418.44 hiện anh Đ quản lý; 01 xe SH biển kiểm soát 71B3-187.79 hiện do chị D quản lý, về phần xe anh chị không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. 01 căn nhà cấp 4, nhà phụ và mái che toạ lạc trên đất thửa 156 theo sự phân chia của toà sơ thẩm thì anh chị không có ý kiến nên không có kháng cáo.

Đối với 03 thửa đất: thửa 215 diện tích 1.454,8m^2, thửa 156 diện tích 819,8m^2, thửa 159 diện tích 1.909,4m^2 tờ bản đồ số 09, toạ lạc tại ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre hiện do chị D quản lý. Chị D kháng cáo yêu cầu chia đôi phần đất này, chị nhận ½, anh Đ nhận ½ . Xét thấy phần đất của anh Đ và chị D có 03 thửa nằm liền kề, thửa 215 và thửa 156 giáp nhau có một con rạch công cộng, khi anh Đ, chị D mua đất đã sang lấp nhưng trên thực tế phần đất phần đất có con rạch có chiều ngang 4,71m thuộc quản lý của Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Hoà. Tại toà chị yêu cầu nếu chia đôi phần đất này thì chị đồng ý để cho anh Đ một đường đi ngang 02m trên thửa 215 đến thửa 156 nằm trên con rạch đã sang lấp. Nhận thấy nếu chia hai thửa đất 215 và 156 thì phần thửa 215 và 156 không có đường đi, chị D đồng ý chừa đường đi cho anh Đ chiều ngang 02m, tuy nhiên phần đường đi nằm trên rạch công cộng là không phù hợp. Mặt khác đây là tài sản chung của anh Đ và chị D, khi hai người mua là đất của gia đình chị D, phần đất này cũng nằm gần phần đất của gia đình chị D. Khi mua đất thì giữa anh Đ và gia đình chị D có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến thương tích nên tại cấp sơ thẩm cũng như tại toà hôm nay anh trình bày không thể nhận đất để canh tác được. Ngoài ra, phần đất thửa 156 nếu chia hai thì diện tích dưới 500m^2 sẽ không thể tách thửa theo quyết định 59/2017/UBND ngày 07/11/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Cấp sơ thẩm giải quyết cho anh Đ được nhận giá trị là phù hợp, do đó không chấp nhận kháng cáo của chị D.

Từ những phân tích trên nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hồi đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Võ Thị D.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 116/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 27, 55, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Cụ thể tuyên:

1. Công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Thành Đ và chị Võ Thị D.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thành Đ được trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Hà T, sinh ngày 23/9/2008, Nguyễn Như Y, sinh ngày 07/4/2014 hiện cháu T và cháu Y sống với anh Đ. Chị Võ Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

Chị Võ Thị D được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị D quản lý sử dụng 01 căn nhà cấp 4, nhà phụ, mái che toạ lạc tại thửa 156, tờ bản đồ số 09, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Các phần đất:

Diện tích 1.454,8m^2 toạ lạc tại thửa 215 tờ bản đồ số 09, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

- Bắc giáp đường giao thông nông thôn và thửa 213 dài 2,83m + 8,43m + 1,41m + 4,18m + 23,13m.

- Đông giáp thửa 131, 155 dài 8,13m + 5,76m + 9,74m + 3,19m + 7,62m + 11,68m + 26,50m.

- Nam giáp rạch dài 9,33m + 4,00m + 1,90m.

- Tây giáp thửa 214 dài 56,57m.

Diện tích 819,8m^2 toạ lạc tại thửa 156 tờ bản đồ số 09, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

- Bắc giáp rạch dài 12,00m + 14,70m + 17,66m + 12,98m.
- Đông giáp thửa 155 dài 23,11m.
- Nam giáp thửa 159 dài 16,04m + 38,18m
- Tây giáp thửa 158 dài 11,68m.

Diện tích 1.909,4m^2 toạ lạc tại thửa 159 tờ bản đồ số 09, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

- Bắc giáp thửa 156 dài 38,18m.
- Đông giáp thửa 165 dài 55,00m.
- Nam giáp thửa 168 dài 36,22m.
- Tây giáp thửa 166, 158 dài 9,97m + 39,14m

Chị Võ Thị D hoàn trả cho anh Nguyễn Thành Đ giá trị nhà là 126.491.005 đồng, giá trị đất là 491.140.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng các bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chi phí đo đạc định giá: Anh Nguyễn Thành Đ phải chịu là 2.110.500 đồng, chị Võ Thị D phải chịu là 2.110.500 đồng. Anh Đ đã nộp 2.821.000 đồng, chị D đã nộp 1.400.000 đồng, chị D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Đ 710.500 đồng.

5. Nợ chung: Anh Nguyễn Thành Đ trình bày không có, chị Võ Thị D không cung cấp địa chỉ và họ tên chủ nợ nên không xem xét.

6. Về án phí:

- Anh Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009549 ngày 07/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

- Anh Nguyễn Thành Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.705.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.110.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009550 ngày 07/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

- Chị D phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 28.705.000 đồng.

- Chị D phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009748 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Chị D đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Thế Xương